

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6703/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Kích thủy lực 32T

Kiểu (Type): N/A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 320) kN  
Đồng hồ áp 0÷60 Mpa; Serial: 23106197123

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002  
Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.02 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  ( $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$ ) được liên kết  
chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)

**Hoàng Tiến Dũng**



**PGĐ. Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6719/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object):

Đồng hồ so

Kiểu (Type):

Cơ

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 30803115

Nơi sản xuất (Manufacturer):

Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo (Range):  $(0 \div 10)$  mm;  
 $d = 0,01$  mm

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 75:2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ;  $U = (0,1 + 2.L) \mu\text{m}$  , [L]:m

Kết quả (Results):

\*. Nhiệt độ hiệu chuẩn:  $(24 \pm 2)$  °C.

\*. Sai số thành phần:  $\pm 3 \mu\text{m}$ . Độ hồi sai:  $\pm 1 \mu\text{m}$ .

\*. Với độ không đảm bảo đo :  $U = (5,8 + 4,4.L) \mu\text{m}$ . L tính bằng m,  
 $k = 2$ , mức tin cậy  $\approx 95\%$ .

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)

  
Hoàng Tiên Dũng

  
PGD. Cao Văn Hùng





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6712/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 30711814

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range):  $(0 \div 10)$  mm;  
 $d = 0,01$  mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ;  $U = (0,1 + 2.L)$   $\mu\text{m}$  , [L]:m

Kết quả (Results): \* Nhiệt độ hiệu chuẩn:  $(24 \pm 2)$  °C.

\* Sai số thành phần:  $\pm 4$   $\mu\text{m}$ . Độ hồi sai:  $\pm 2$   $\mu\text{m}$ .

\* Với độ không đảm bảo đo :  $U = (5,8 + 4,4.L)$   $\mu\text{m}$ . L tính bằng m,  
 $k = 2$ , mức tin cậy  $\approx 95\%$ .

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)



PGD. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 6711/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 30712734

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 10) mm;  
d = 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ; U = (0,1 + 2.L)  $\mu$ m , [L]:m

Kết quả (Results):  
\*. Nhiệt độ hiệu chuẩn: (24 ± 2) °C.  
\*. Sai số thành phần: ± 5  $\mu$ m. Độ hồi sai: ± 3  $\mu$ m.  
\*. Với độ không đảm bảo đo : U = (5,8 + 4,4.L)  $\mu$ m. L tính bằng m,  
k = 2, mức tin cậy ≈ 95%.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

Hoàng Tiên Dũng

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)



PGD. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 6715/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 30711721

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 10) mm;  
d = 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ;  $U = (0,1 + 2.L) \mu m$  , [L]:m

Kết quả (Results):  
\*. Nhiệt độ hiệu chuẩn:  $(24 \pm 2) ^\circ C$ .  
\*. Sai số thành phần:  $\pm 6 \mu m$ . Độ hồi sai:  $\pm 4 \mu m$ .  
\*. Với độ không đảm bảo đo :  $U = (5,8 + 4,4.L) \mu m$ . L tính bằng m,  
 $k = 2$ , mức tin cậy  $\approx 95\%$ .

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)



PGD. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 6716/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 30713769

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range):  $(0 \div 10)$  mm;  
d = 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ;  $U = (0,1 + 2.L) \mu\text{m}$  , [L]:m

Kết quả (Results):  
\*. Nhiệt độ hiệu chuẩn:  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ .  
\*. Sai số thành phần:  $\pm 8 \mu\text{m}$ . Độ hồi sai:  $\pm 6 \mu\text{m}$ .  
\*. Với độ không đảm bảo đo :  $U = (5,8 + 4,4.L) \mu\text{m}$ . L tính bằng m,  
 $k = 2$ , mức tin cậy  $\approx 95\%$ .

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 6713/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 30802340

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 10) mm;  
d = 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ;  $U = (0,1 + 2.L) \mu m$  , [L]:m

Kết quả (Results):  
\*. Nhiệt độ hiệu chuẩn:  $(24 \pm 2) ^\circ C$ .  
\*. Sai số thành phần:  $\pm 7 \mu m$ . Độ hồi sai:  $\pm 5 \mu m$ .  
\*. Với độ không đảm bảo đo :  $U = (5,8 + 4,4.L) \mu m$ . L tính bằng m,  
k = 2, mức tin cậy  $\approx 95\%$ .

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)



PGD: Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 6718/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object):

Đồng hồ so

Kiểu (Type):

Cơ

Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 30712445

Nơi sản xuất (Manufacturer):

Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 10) mm;  
d = 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 75:2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ;  $U = (0,1 + 2.L) \mu m$  , [L]:m

Kết quả (Results):

\*. Nhiệt độ hiệu chuẩn:  $(24 \pm 2) ^\circ C$ .

\*. Sai số thành phần:  $\pm 9 \mu m$ . Độ hồi sai:  $\pm 7 \mu m$ .

\*. Với độ không đảm bảo đo :  $U = (5,8 + 4,4.L) \mu m$ . L tính bằng m,  
 $k = 2$ , mức tin cậy  $\approx 95\%$ .

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)



PGD. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6714/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 30711648

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 10) mm;  
d = 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ; U = (0,1 + 2.L) μm , [L]:m

Kết quả (Results):  
\* Nhiệt độ hiệu chuẩn: (24 ± 2) °C.  
\* Sai số thành phần: ± 4 μm. Độ hồi sai: ± 1 μm.  
\* Với độ không đảm bảo đo : U = (5,8 + 4,4.L) μm. L tính bằng m,  
k = 2, mức tin cậy ≈ 95%.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

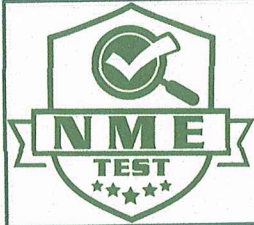
**Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)**

**Hoàng Tiến Dũng**

**TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)**



**PGD Cao Văn Hùng**



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**  
(Calibration Certificate)

Số (№): 25H 6717/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 30802791

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 10) mm;  
d = 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ; U = (0,1 + 2.L)  $\mu$ m , [L]:m

Kết quả (Results):  
\* Nhiệt độ hiệu chuẩn: (24 ± 2) °C.  
\* Sai số thành phần: ± 5  $\mu$ m. Độ hồi sai: ± 2  $\mu$ m.  
\* Với độ không đảm bảo đo : U = (5,8 + 4,4.L)  $\mu$ m. L tính bằng m,  
k = 2, mức tin cậy ≈ 95%.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6707/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 232464

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 50) mm;  
d = 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Đồng hồ đo biến dạng - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.06 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

MB.TB2.07 - Bộ căn mẫu song phẳng ;  $U = (0,1 + 2.L) \mu m$  , [L]:m

Kết quả (Results):  
\*. Nhiệt độ hiệu chuẩn:  $(24 \pm 2) ^\circ C$ .  
\*. Sai số thành phần:  $\pm 10 \mu m$ . Độ hồi sai:  $\pm 2 \mu m$ .  
\*. Với độ không đảm bảo đo:  $U = (5,8 + 6.2.L) \mu m$ . L tính bằng m,  $k = 2$ , mức tin cậy  $\approx 95\%$ .

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025

(Date of issue)

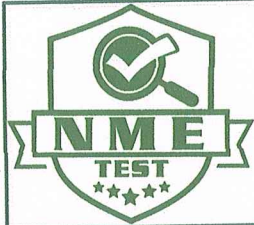
**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**Hoàng Tiến Dũng**

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)



**PGD. Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 6708/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so  
Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 232326  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 50) mm;  
d = 0,01 mm  
Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001  
Đồng hồ đo biến dạng - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.06 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so  
MB.TB2.07 - Bộ căn mẫu song phẳng ;  $U = (0,1 + 2.L) \mu\text{m}$  , [L]:m

Kết quả (Results):  
\*. Nhiệt độ hiệu chuẩn:  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ .  
\*. Sai số thành phần:  $\pm 11 \mu\text{m}$ . Độ hồi sai:  $\pm 3 \mu\text{m}$ .  
\*. Với độ không đảm bảo đo:  $U = (5,8 + 6.2.L) \mu\text{m}$ . L tính bằng m,  $k = 2$ , mức tin cậy  $\approx 95\%$ .

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23-08-2026  
Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025

(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**Hoàng Tiên Dũng**

**TM GIÁM ĐỐC**

(On behalf of Director)



**PGĐ. Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6710/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 30711694

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range):  $(0 \div 10)$  mm;  
 $d = 0,01$  mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ;  $U = (0,1 + 2.L) \mu\text{m}$  , [L]:m

Kết quả (Results):  
\*. Nhiệt độ hiệu chuẩn:  $(24 \pm 2)$  °C.  
\*. Sai số thành phần:  $\pm 7 \mu\text{m}$ . Độ hồi sai:  $\pm 3 \mu\text{m}$ .  
\*. Với độ không đảm bảo đo :  $U = (5,8 + 4,4.L) \mu\text{m}$ . L tính bằng m,  
 $k = 2$ , mức tin cậy  $\approx 95\%$ .

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

Hoàng Tiên Dũng

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)



PGD. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 6709/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Đồng hồ so

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 30712072

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 10) mm;  
d = 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ;  $U = (0,1 + 2.L) \mu m$  , [L]:m

Kết quả (Results):  
\*. Nhiệt độ hiệu chuẩn:  $(24 \pm 2) ^\circ C$ .  
\*. Sai số thành phần:  $\pm 6 \mu m$ . Độ hồi sai:  $\pm 2 \mu m$ .  
\*. Với độ không đảm bảo đo :  $U = (5,8 + 4,4.L) \mu m$ . L tính bằng m,  
 $k = 2$ , mức tin cậy  $\approx 95\%$ .

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

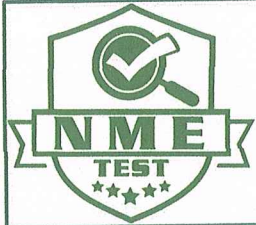
**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**Hoàng Tiến Dũng**

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)



**PGĐ. Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6720/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object):

Đồng hồ so

Kiểu (Type):

Cơ

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 30711961

Nơi sản xuất (Manufacturer):

Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo (Range):  $(0 \div 10)$  mm;  
d = 0,01 mm

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 75:2001

Đồng hồ so - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

MB.TB2.07 - Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu song phẳng ;  $U = (0,1 + 2.L) \mu\text{m}$  , [L]:m

Kết quả (Results):

\*. Nhiệt độ hiệu chuẩn:  $(24 \pm 2) ^\circ\text{C}$ .

\*. Sai số thành phần:  $\pm 5 \mu\text{m}$ . Độ hồi sai:  $\pm 1 \mu\text{m}$ .

\*. Với độ không đảm bảo đo :  $U = (5,8 + 4,4.L) \mu\text{m}$ . L tính bằng m,  
k = 2, mức tin cậy  $\approx 95\%$ .

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**Hoàng Tiến Dũng**

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)

**PGD. Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6699/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Nhiệt kế kim loại

Kiểu (Type): N/A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): LIGI – Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0-300) °C

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 34.19  
Nhiệt kế - Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB3.09 – Lò hiệu chuẩn nhiệt độ chuẩn

Kết quả (Results):

Giá trị chuẩn (°C)	30	50	150	250
Giá trị đo được (°C)	29.3	50.2	150.5	249.8


Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 – 08 – 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)

  
**Hoàng Tiên Dũng**





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

**(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM  
( Measurement & Testing Certificare )**

Số (№): 25ĐT 2178/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy khuấy xác định độ nhớt

Kiểu (Type): QND-4C Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 062606

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tài liệu kỹ thuật

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): Đo trực tiếp

Kết quả (Results): Thiết bị hoạt động bình thường

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23-08-2026  
Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

  
Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)



  
PGD Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

**(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM  
( Measurement & Testing Certificare )**

Số (№): 25ĐT 2180/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị rửa trôi màng sơn

Kiểu (Type): TA-526

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 22012

Nơi sản xuất (Manufacturer): Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): TCVN 8653-4:2012

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đổ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): Đo trực tiếp

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thiết bị hiệu chuẩn đo tốc độ vòng quay  
Thuốc, đồng hồ bấm giây, bộ căn lá

Kết quả (Results):

Thiết bị hoạt động bình thường  
Thiết bị phù hợp với TCVN 8653-4:2012

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 -08 - 2026

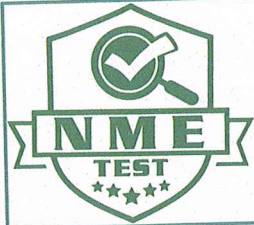
Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM**  
( Measurement & Testing Certificate )

Số (Số): 25ĐT 2179/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị xác định thời gian khô hoàn toàn của sơn

Kiểu (Type): JLD-8612 Số (Serial No)/ Mã QL(Tag No): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Đường kính đầu cột: 25mm  
Đường kính đĩa ép: 50mm  
Đường kính trục ép: 22mm  
Tổng trọng lượng quả tải: 1500g

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng


Phương pháp thực hiện (Method of calibration): Đo thử trực tiếp

Kết quả (Results): Thiết bị hoạt động bình thường.

Ngày kiểm định đề nghị (Recalibration recommended): 23-08-2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

  
Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)

  
PGD: Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

**(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM  
( Measurement & Testing Certificare )**

Số (Số) : 25ĐT 2176/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object) : Máy đo điện trở đất

Kiểu (Type) : 4105A

Số (Serial No)/ Mã QL(Tag No): E8454235

Nơi sản xuất (Manufacturer) : Thái Lan

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : Thang đo: (0 ÷ 20)Ω Độ chính xác ± (2%rdg + 0.1dgt)  
Thang đo: (0 ÷ 200)Ω Độ chính xác ± (2%rdg + 3dgt)  
Thang đo: (0 ÷ 2000)Ω Độ chính xác ± (2%rdg + 3dgt)

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): Đo trực tiếp

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : MB.TB3.03 – Hộp điện trở chuẩn

Kết quả (Results) : Máy hoạt động bình thường, phù hợp để kiểm tra đo điện trở.

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 – 08 – 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**Hoàng Tiến Dũng**



**PGĐ: Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

**(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM  
( Measurement & Testing Certificate )**

Số (No): 25ĐT 3034/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy đầm Proctor tự động

Kiểu (Type): N/A

Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tiêu chuẩn: TCVN 8860-1

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB. M – 31.19

Máy đầm proctor - Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.03 - Căn mẫu cấp 1, căn lá

MB.TB2.08 - Thiết bị đo tốc độ vòng quay, U = 1 vòng/phút (k = 2, P ≈ 95%)

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 – 08 – 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025

(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)

**Hoàng Tiến Dũng**



**PGĐ. Cao Văn Hùng**



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM**  
( Measurement & Testing Certificare )


Số (№): 25ĐT 3035/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thước đo độ bằng phẳng – thước 3m  
Kiểu (Type): N/A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Độ chính xác:  $\pm 0.1\%$   
Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG  
Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng  
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB. M – 08.19  
Thước phẳng – Quy trình hiệu chuẩn  
Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ căn lá  
Kích thước danh nghĩa từ (0.02 đến 1.00mm)  
Được liên kết với Cục tiêu chuẩn – đo lường – Chất lượng  
Kết quả (Results): Thiết bị hoạt động bình thường. Sai số  $\leq 1\%$   
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23-08-2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)

  
Hoàng Tiến Dũng



PGĐ: Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 7825/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cân điện tử  
Kiểu (Type): N/A Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): N/A  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất  $P_{max}=15\text{kg}$   
Giá trị độ chia nhỏ nhất;  $d=0.5\text{g}$

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**  
Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng  
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-01.19  
Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ quả cân F1 kiểu 1-2-2-5 được liên kết chuẩn với Cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng

Kết quả (Results):

TT	Khối lượng danh định (g)	Chỉ thị thực tế (g)	Số hiệu chỉnh (g)
1	0.0	0.0	0.0
2	3000.0	3000.0	0.0
3	5000.0	5000.0	0.0
4	10000.0	10000.0	0.0
5	15000.0	14999.5	+0.5

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature):  $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23-08-2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC

(On behalf of Director)



PGD. Cao Văn Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM**  
( Measurement & Testing Certificare )

Số (№): 25ĐT 3033/MB.CN  
Tên phương tiện đo (Object): Máy thử mài mòn Los Angeles  
Kiểu (Type): TA-12 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 24008  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7572:2006  
Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG  
Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng  
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-09.19  
Máy mài mòn Los – Angeles – Phương pháp đo

Kết quả (Results):

TT	Thông số	Giá trị đo được
1	Tốc độ quay (vòng/phút)	32 ÷ 33
2	Đường kính bi (mm)	48 ÷ 49
3	Trọng lượng bi (g)	432÷441
4	Đường kính trong thùng chứa mẫu (mm)	714 ± 5
5	Chiều dài trong thùng chứa mẫu (mm)	509 ± 5


Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature):  $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

  
Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC

(On behalf of Director)



  
PGD. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 6698/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cân điện tử 5Kg

Kiểu (Type): HW-B50002 Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 485280

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất  $P_{max}=5000g$   
Giá trị độ chia nhỏ nhất;  $d=0,1g$

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-01.19

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.05 - Bộ quả cân cấp chính xác F1; F2

Kết quả (Results):

TT	Khối lượng danh định (g)	Chỉ thị thực tế (g)	Số hiệu chỉnh (g)
1	0	0.0	0.0
2	500	500.0	0.0
3	1000	1000.0	0.0
4	2000	2000.1	-0.1
5	3000	3000.0	0.0
6	4000	4000.0	0.0
7	5000	4999.9	+0.1

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(26 \pm 2) ^\circ C$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

Hoàng Tiên Dũng

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6702/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cung lực 50 kN  
Kiểu (Type): N/A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): N/A  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 50) kN  
Đồng hồ so: (0 ÷ 10)mm/0.01mm. Serial: 206307  
Giá trị vạch chia: 0.01mm/vạch  
Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**  
Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng  
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002  
Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn  
Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.02 - Đầu đo lực  
Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  ( $k = 2; P \approx 95\%$ )  
Được liên kết chuẩn với VMI  
Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)  
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)**

**Hoàng Tiên Dũng**

**TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)**



**PGĐ. Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6706/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thước cặp

Kiểu (Type): N/A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): N/A

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Khoảng đo: 0 – 200 mm  
Độ phân giải: 0.02 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đổ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 119:2003

Thước cặp - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu

Được liên kết chuẩn với Cục tiêu chuẩn - Đo lường – Chất lượng

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 – 08 – 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025

(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of Technical)**

**TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)**

*Hoàng Tiến Dũng*



*PGD. Cao Văn Hùng*



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6705/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thước cặp

Kiểu (Type): N/A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): N/A

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Khoảng đo: 0 – 200 mm  
Độ phân giải: 0.02 mm

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đổ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 119:2003

Thước cặp - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.06 - Bộ căn mẫu

Được liên kết chuẩn với Cục tiêu chuẩn - Đo lường – Chất lượng

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 – 08 – 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025

(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of Technical)**

**TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)**

**Hoàng Tiến Dũng**





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25ĐT 2177/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy nén marshall

Kiểu (Type): LWD-3

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 2204216

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 50) kN

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đổ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lường - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.02 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  (  $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$  )

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)

**Hoàng Tiến Dũng**

**PGD. Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

**(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM  
( Measurement & Testing Certificate )**

Số (№) : 25ĐT 2175/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object) : Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường

Kiểu (Type) : SZR-3 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 231121

Nơi sản xuất (Manufacturer) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : Theo AASHTO T49, ASTM D5

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đô Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB. M – 05.19

Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường – Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : MB.TB1.05 - Bộ quả cân cấp chính xác F1; F2

Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  (  $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$  )

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results) : Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 – 08 – 2026

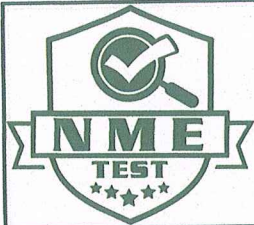
Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of Technical)

**Hoàng Tiên Dũng**

**TM GIÁM ĐỐC**

(On behalf of Director)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6721/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền nén

Kiểu (Type): TYA-2000 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 2311579

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo:  
 $0 < m_1 \leq 999,99 \text{ kN}$ ; vạch chia: 0,01 kN  
 $1000 \leq m_2 \leq 2\,000 \text{ kN}$ ; vạch chia: 0,1 kN

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002  
Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.04 - Đầu đo lực  
Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  ( $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$ )  
Được liên kết chuẩn với VMI


Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23-08-2026  
Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025

(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)

  
Hoàng Tiến Dũng

  
PGD: Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6697/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object):

Máy nén tam liên

Kiểu (Type): WG-1C

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): V-Z-HD-000872307001

Nơi sản xuất (Manufacturer):

Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo:

Cung lực (0÷2400) N; Tỷ lệ chuyển lực: 1/12

Cung lực (0÷2000) N; Tỷ lệ chuyển lực: 1/10

Tiết diện dao vòng: 50 cm<sup>2</sup> và 30 cm<sup>2</sup>

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

MB.TB1.01 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  ( $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$ )

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025

(Date of issue)

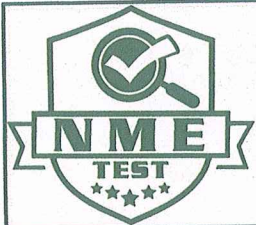
**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)

**Hoàng Tiến Dũng**



**PGD. Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6696/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền nén

Kiểu (Type): TYA-300 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 2309492

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0-300) kN; d = 0.01 kN

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.03 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  ( $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$ ) được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 - 08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025

(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)

**Hoàng Tiến Dũng**



**PGD: Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6704/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Kích thuỷ lực 200 tấn

Kiểu (Type): KN200-150 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 240412

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 – 2000) kN

Đồng hồ áp suất: 0-60 MPa

d = 1 MPa

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.04 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  ( $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$ ) được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 - 08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)

**Hoàng Tiến Dũng**



**PGD. Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

**(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM  
( Measurement & Testing Certificare )**

Số (№): 25ĐT 2169/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Máy chiết nhựa ly tâm

Kiểu (Type): FY-III

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 2304021

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tốc độ quay 2900 vòng/phút

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-24.19

Máy chiết nhựa – Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.01 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  (  $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$  )

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Hiệu lực đến (Valid until):

23 - 08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025

(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)

Hoàng Tiến Dũng



**PGD: Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (Số): 25H 6694/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object):

Máy thử độ bền kéo nén

Kiểu (Type):

WE - 1000B

Số (Serial No) / Mã QL(Tag No): 150902

Nơi sản xuất (Manufacturer):

Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo: (0 ÷ 200) kN, d = 0,5 kN

Phạm vi đo: (0 ÷ 500) kN, d = 1 kN

Phạm vi đo: (0 ÷ 1000) kN, d = 2 kN

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 109 : 2002

Máy thử độ bền kéo nén - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

MB.TB1.04 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% ( k = 2; P ≈ 95%)

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025

(Date of issue)

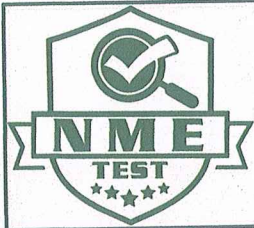
**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)

**Hoàng Tiến Dũng**



**PGĐ. Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6701/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực Máy cắt đất

Kiểu (Type): ZJ-1A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): V-Z-HD001612304004

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 1.2) kN. Serial: 202624  
Đồng hồ so (0-10) mm. Serial: 30712034  
Giá trị vạch chia: 0.01mm/vạch

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đổ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.02 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo, U = 0,12% ( k = 2; P ≈ 95%)

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

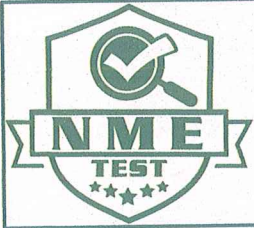
Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)

Hoàng Tiên Dũng



PGD. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

**(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM  
( Measurement & Testing Certificare )**

Số (№): 25ĐT 2172/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object):

Cần Benkelman

Kiểu (Type):

TA-22

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 23027

Nơi sản xuất (Manufacturer):

Việt Nam

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Tiêu chuẩn AASHTO T256-77

Phạm vi đo: (0 ÷ 10 ) mm; Tỷ lệ 2/1

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

MB. M – 08.19

Cần Benkelman – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ căn lá

Kích thước danh nghĩa từ (0.02 đến 1.00mm)

Được liên kết với Cục tiêu chuẩn – đo lường – Chất lượng

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 – 08 – 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025

(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**

(Head of technical)

**TM GIÁM ĐỐC**

(On behalf of Director)

  
**Hoàng Tiên Dũng**



  
**PGD: Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

**(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM  
( Measurement & Testing Certificate )**

Số (Số): 25ĐT 2173/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị đo giãn dài nhựa đường

Kiểu (Type): SY – 1.5 Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 230401

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tiêu chuẩn TCVN 7496:2005

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB. M – 07.19

Thiết bị đo độ giãn dài nhựa đường – Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB2.02 - Thước

Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  (  $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$  )

Được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 – 08 – 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of Technical)

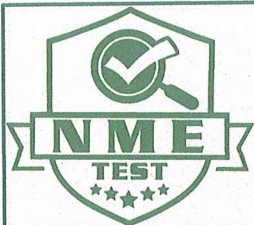
Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC

(On behalf of Director)



PGD. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

**(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM  
( Measurement & Testing Certificare )**

Số (№): 25ĐT 2170/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị đo độ hóa mềm nhựa đường

Kiểu (Type): SYD-2806 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 231038

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7572:2006  
Phạm vi điều nhiệt: (0 - 120) °C  
Độ phân giải: 1 °C

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB. M – 06.19  
Thiết bị hóa mềm nhựa – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB1.01 - Đầu đo lực, panme  
Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  (  $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$  )  
được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau  
(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 -08 - 2026  
Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**Hoàng Trần Dũng**

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)



**PGD: Cao Văn Hùng**



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)

(Northern Quality Validation., JSC)

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM**  
( Measurement & Testing Certificare )

Số (Số): 25ĐT 2174/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nảy  
Kiểu (Type): ZC-3 Số (Serial Số) / Mã QL(Tag Số): 240121  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 100) R  
Sai số cho phép: ± 2 R  
Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG  
Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng  
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB. M – 33.19  
Búa thử cường độ – phương pháp đo  
Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đề hiệu chuẩn  
Trị số bật nảy: 79 ± 2  
Kết quả (Results):

Đề hiệu chuẩn		Giá trị chỉ thị trên thiết bị					Sai số phép đo
Kiểu năng lượng	Giá trị bật nảy	R1	R2	R3	R4	R5	
Va đập	79	81	80	80	79	79	± 2


Nhiệt độ: 26°C ± 2 °C; Độ ẩm tương đối: 65%RH

Hiệu lực tới (Valid Until): 23 – 08 – 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)

  
Hoàng Tiến Dũng

  
PGD. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)**

**(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add.): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương – La Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông,  
thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM  
( Measurement & Testing Certificare )**

Số (№) : 25ĐT 2171/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object) : Thiết bị Bốc cháy nhựa đường

Kiểu (Type) : SYD-3536 Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 6017

Nơi sản xuất (Manufacturer) : Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification) : Theo AASHTO T49, ASTM D5

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đổ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-25.19  
TB bốc cháy nhựa - Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used) : MB.TB2.08 - Đầu đo nhiệt độ chuẩn  
Đồng hồ bấm giây, thước cặp

Kết quả (Results) : Nhiệt độ bốc cháy đạt: 95°C  
Thời gian bắt lửa: 5 giây

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23 – 08 – 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)



PGĐ. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6693/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Cân điện tử  
Kiểu (Type): HAW-15A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 58823032894  
Nơi sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản  
Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Mức cân lớn nhất  $P_{max}=15\text{kg}$   
Giá trị độ chia nhỏ nhất;  $d=0.5\text{g}$

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M-01.19

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ quả cân F1 kiểu 1-2-2-5 được liên kết chuẩn với Cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng

Kết quả (Results):

TT	Khối lượng danh định (g)	Chỉ thị thực tế (g)	Số hiệu chỉnh (g)
1	0.0	0.0	0.0
2	3000.0	3000.0	0.0
3	5000.0	5000.5	-0.5
4	10000.0	10000.0	0.0
5	15000.0	15000.0	0.0

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature):  $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 -08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC

(On behalf of Director)



PGD. Cao Văn Hùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6695/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Bộ đo và điều khiển nhiệt độ tủ sấy

Kiểu (Type): 101-2A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 18880

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0-300) °C  
Độ phân giải 1°C

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 02.19  
Tủ nhiệt - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Thiết bị đo nhiệt độ hiện số Fluke 52 II  
Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,15^{\circ}\text{C}$

Kết quả (Results):

Giá trị hiển thị (°C)	50.0	100.0	150.0	200.0	250.0
Giá trị chuẩn (°C)	49.10	99.50	149.40	200.60	249.70

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ:  $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ ,  $k = 2$ , mức tin cậy  $P \approx 95\%$

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 23-08-2026  
Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025  
(Date of issue)

Trưởng phòng kỹ thuật  
(Head of technical)

Hoàng Tiến Dũng

TM GIÁM ĐỐC  
(On behalf of Director)





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch vụ La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 25H 6700/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object): Nhiệt kế kim loại

Kiểu (Type): N/A Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): LIGI – Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo: (0-100) °C

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189 Khu Đỗ Xá, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): MB.M – 34.19  
Nhiệt kế - Phương pháp đo

Chuẩn được sử dụng (Standards used): MB.TB3.09 – Lò hiệu chuẩn nhiệt độ chuẩn

Kết quả (Results):

Giá trị chuẩn (°C)	20	40	60	80
Giá trị đo được (°C)	19.8	40.7	60.1	79.3

Thiết bị được hiệu chuẩn tại nhiệt độ: (24 ± 2) °C

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

23 - 08 - 2026

Hà Nội, Ngày 23 tháng 08 năm 2025

(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

**TM GIÁM ĐỐC**  
(On behalf of Director)

**Hoàng Tiến Dũng**



**PGĐ. Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 26H 1692/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object):

Đồng hồ đo áp suất

Kiểu (Type):

Lò xo

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 22047182123

Nơi sản xuất (Manufacturer):

Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo: (0÷60) Mpa

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189, khu Đỗ Xá, Phường Tứ Minh, TP Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 76:2001

Áp kế - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

MB.TB2.05 - Dụng cụ chuẩn kiểu áp suất hiện số

Phạm vi đo: (0÷700) bar

Độ chính xác:  $\pm 0.05\%FS$ , độ phân giải chỉ thị 0.01 bar,

Được liên kết chuẩn với Tổng cục TCDLCL

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

08 – 04 – 2027

Hà Nội, Ngày 08 tháng 04 năm 2026  
(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**  
(Head of technical)

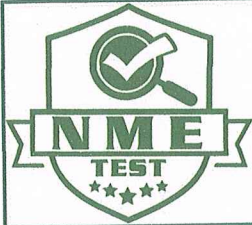
**Hoàng Tiến Dũng**

**TM GIÁM ĐỐC**

(On behalf of Director)



**PGD. Cao Văn Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
MIỀN BẮC (ĐK 420)  
(Northern Quality Validation., JSC)**

Địa chỉ (Add): Tầng 2, lô CL04, Khu đất dịch La Dương - La Nội, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(Calibration Certificate)**

Số (№): 26H 1686/MB.CN

Tên phương tiện đo (Object):

Kích thủy lực 200 tấn

Kiểu (Type):

KN200-150

Số (Serial №) / Mã QL(Tag №): 240511

Nơi sản xuất (Manufacturer):

Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo: (0 – 2000) kN

Đồng hồ áp suất: 0-60 MPa

d = 1 MPa

Cơ sở sử dụng (Customer):

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐÔNG**

Địa chỉ (Address): Số 189, khu Đỗ Xá, Phường Tứ Minh, TP Hải Phòng

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 108 : 2002

Phương tiện đo lực - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

MB.TB1.04 - Đầu đo lực

Độ không đảm bảo đo,  $U = 0,12\%$  ( $k = 2$ ;  $P \approx 95\%$ ) được liên kết chuẩn với VMI

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended):

08 – 04 – 2027

Hà Nội, Ngày 08 tháng 04 năm 2026

(Date of issue)

**Trưởng phòng kỹ thuật**

(Head of technical)

**Hoàng Tiến Dũng**

**TM GIÁM ĐỐC**

(On behalf of Director)



**PGĐ. Cao Văn Hùng**